

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Lí thuyết giao tiếp và phương pháp dạy tiếng Việt
(Communication Theory and Method in Teaching Vietnamese)

Mã số học phần: SPV 626

- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ

- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết, 60 tiết tự học

2. Đơn vị phụ trách học phần:

Khoa: Khoa Sư phạm

3. Điều kiện tiên quyết:

- Điều kiện tiên quyết: Không

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Nắm được cơ sở lí thuyết của quan điểm giao tiếp;

4.1.2. Hiểu được sự hình thành và phát triển ngôn ngữ của cá nhân, các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp, các bình diện giao tiếp bằng ngôn ngữ;

4.1.3. Phân tích được các quan điểm giao tiếp trong việc dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.

4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Vận dụng được những hiểu biết về quan điểm giao tiếp trong hoạt động giao tiếp ngôn ngữ trong nhà trường;

4.2.2. Vận dụng được những hiểu biết về quan điểm giao tiếp vào phân tích, đánh giá những phát ngôn/ văn bản cụ thể;

4.2.3. Vận dụng được những hiểu biết về quan điểm giao tiếp vào việc dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.

4.3. Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

4.3.1. Có ý thức tự bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ, đáp ứng tốt việc dạy học Ngữ văn ở chương trình phổ thông cũng như trong các lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

4.3.2. Nhận thức được sự giàu đẹp của tiếng Việt, góp phần giữ gìn bản sắc của tiếng Việt qua công tác giảng dạy và nghiên cứu Ngữ văn.

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung của học phần được thiết kế thành 3 chương. Chương 1 trình bày cơ sở lí thuyết giao tiếp, trong đó nhấn mạnh các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp và các

bình diện giao tiếp bằng ngôn ngữ. Chương 2 nêu ra các nguyên tắc của dạy học tiếng Việt, trình bày cơ sở của quan điểm vận dụng lí thuyết giao tiếp vào dạy học tiếng trên cơ sở miêu tả chức năng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp. Chương 3 của học phần được thiết kế theo yêu cầu ứng dụng lí thuyết quan điểm giao tiếp vào dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông. Dựa vào nội dung kiến thức về tiếng Việt trong chương trình phổ thông mới, vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp và xác định mục tiêu dạy học theo quan điểm giao tiếp để thiết kế giáo án nhằm phát triển năng lực nghe, nói, đọc, viết của học sinh.

6. Cấu trúc nội dung học phần:

6.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1.	Lí thuyết giao tiếp	10	
1.1.	Khái niệm		4.1.1; 4.3.2
1.2.	Phân biệt giao tiếp với thông tin		4.1.1; 4.3.2
1.3.	Các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp		4.1.2; 4.3.1;4.3.2.
1.4.	Các bình diện của hoạt động giao tiế		4.1.2; 4.3.1;4.3.2.
Chương 2.	Quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	10	
2.1.	Nguyên tắc		4.1.1.; 4.2.1;4.2.2.; 4.3.1.
2.2.	Cơ sở của quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt		4.1.2; 4.2.1; 4.2.2; 4.3.2.
2.3.	Sự thể hiện của quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt		4.1.2; 4.2.1; 4.2.2.;4.3.1;4.3.2.
Chương 3.	Định hướng thiết kế bài dạy tiếng Việt ở trường phổ thông theo quan điểm giao tiếp	10	
3.1.	Cơ sở thiết kế		4.1.3; 4.2.3; 4.3.1;4.3.2.
3.2.	Thiết kế các bài dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp		4.1.3; 4.2.3; 4.3.1;4.3.2

6.2. Thực hành: Tự học

7. Phương pháp giảng dạy:

Học phần được giảng dạy kết hợp gồm lý thuyết (20 tiết), bài tập (10 tiết), thực hành (10 tiết). Trong quá trình học, học viên sẽ làm bài tập và thuyết trình theo nhóm.

8. Nhiệm vụ của học viên:

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Thuyết trình theo nhóm/kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Đánh giá kết quả học tập của học viên:

9.1. Cách đánh giá

Học viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%	4.3
2	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao	10%	4.2.1; 4.2.4; 4.3
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thuyết trình/ bài kiểm tra viết (90 phút)	20%	4.1; 4.2; 4.3
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (120 phút)	60%	4.1; 4.2; 4.3

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Đỗ Hữu Châu (2001), <i>Đại cương ngôn ngữ học</i> (tập 2), NxbGD.	KHXH.000178, KHXH.000179, MOL.076891
[2] Nguyễn Đức Dân (1998), <i>Ngữ dụng học</i> , Nxb GD.	MOL.009928, MOL.019970, MOL.076177, SP.014852, SP.014853, SP.017787
[3] Nguyễn Thiện Giáp (1996), <i>Dẫn luận ngôn ngữ học</i> , Nxb GD.	SP.001383

11. Hướng dẫn học viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của học viên
1 - 2	Chương 1: Lí thuyết giao tiếp 1.1. Khái niệm 1.2. Phân biệt giao tiếp với thông tin 1.3. Các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp 1.4. Các bình diện của hoạt động giao tiếp	10		Nghiên cứu trước: + Các tài liệu đã được thông tin + Các tài liệu cần thiết giảng viên sẽ yêu cầu và cập nhật trong quá trình làm việc.
3 - 4	Chương 2: Quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt 2.1. Nguyên tắc 2.2. Cơ sở của quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt 2.3. Sự thể hiện của quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	10		Nghiên cứu trước: + Các tài liệu đã được thông tin + Các tài liệu cần thiết giảng viên sẽ yêu cầu và cập nhật trong quá trình làm việc.
5-6	Chương 3: Định hướng thiết kế bài dạy tiếng Việt ở trường phổ thông theo quan điểm giao tiếp 3.1. Cơ sở thiết kế 3.2. Thiết kế bài dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp	10		Nghiên cứu trước: + Các tài liệu đã được thông tin + Các tài liệu cần thiết giảng viên sẽ yêu cầu và cập nhật trong quá trình làm việc.

Cần Thơ, ngày 02 tháng 02 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Văn Nở

(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Nở